

Bản án số:39/2025/DS-ST

Ngày: 10 – 9 - 2025

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thụy Lan Chi

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Văn Nay

- Bà Trần Thị Phương Anh

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Ngô Văn Trường, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:* Bà Trịnh Thị Mỹ Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 07/2025/TLST-DS ngày 14 tháng 7 năm 2025 về tranh chấp “hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2025/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Võ Thị L**, sinh năm 1961. Căn cước công dân số: 095161000141, cấp ngày 13/4/2021, tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. Địa chỉ: Ấp T, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (Nay là ấp T, xã V, tỉnh Cà Mau).

- *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1983. Địa chỉ: Ấp C, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (Nay là ấp C, xã V, tỉnh Cà Mau).

(Bà L có đơn vắng mặt; bà N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 4 năm 2025 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn bà Võ Thị L trình bày: Bà Nguyễn Thị Ngọc B thịt heo, bà L tới lui mua nên quen biết bà N. Từ đó bà N có hỏi vay tiền của bà L với số tiền 30.000.000 đồng, bà N có tự tay viết giấy mượn nợ và ký tên, ghi rõ họ tên, là giấy mượn tiền ngày 06.6.2023 mà bà L cung cấp cho Tòa án. Khi bà L cho vay, thỏa thuận lãi suất 5%/tháng, đóng lãi hàng tháng, thời hạn thanh toán tiền gốc là 05 tháng kể từ ngày vay. Tuy nhiên nội dung này không có ghi vào giấy mượn tiền. Bà N chỉ ghi nội dung trả tiền cho bà L trong thời gian sớm nhất. Từ khi vay tiền đến nay bà N đã thanh toán cho bà L được số tiền gốc 15.200.000 đồng, trả

làm nhiều lần, không nhớ thời gian cụ thể. Bà L nhiều lần yêu cầu bà N thanh toán nợ nhưng bà N không trả mà còn thách bà L đi thưa, từ đó bà L mới khởi kiện bà N ra Tòa án.

Bà L xác định chỉ giao dịch vay tiền với bà N, không biết chồng bà N, vì vậy bà L chỉ yêu cầu bà N thanh toán số tiền vay 14.800.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Số tiền bà L cho bà N vay là tài sản riêng của bà L, bà L đã ly hôn với chồng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị N trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 14 tháng 8 năm 2025: Bà N có vay tiền của bà L nhiều lần, không nhớ thời gian cụ thể, khi vay không làm biên nhận. Đến ngày 06/6/2023 bà L có đưa biên nhận cho bà N ký, trước khi ký bà N có đọc nội dung thể hiện bà N có vay của bà L số tiền 30.000.000 đồng; thực tế bà N chỉ vay của bà L số tiền 24.000.000 đồng, vay làm nhiều lần như đã trình bày trên. Biên nhận ngày 06/6/2023, bà L đã kê tiền lãi 6.000.000 đồng, từ đó thể hiện bà N vay của bà L số tiền 30.000.000 đồng, tuy nhiên bà N xác định bà không chứng minh được việc gộp lãi vào gốc. Bà N thừa nhận chữ ký và chữ viết Nguyễn Thị N tại biên nhận ngày 06/6/2023 là do bà trực tiếp ký và viết. Quá trình vay, bà đã thanh toán cho bà L số tiền 15.200.000 đồng. Nay bà N chỉ đồng ý thanh toán số tiền 14.800.000 đồng, yêu cầu trả dần, vì hiện tại bà N khó khăn. Bà N vay tiền để mua bán, đây là nợ riêng, chồng bà đã chết trước khi bà vay tiền của bà L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau trình bày việc tuân theo pháp luật của Tòa án:

Về tố tụng: Nguyên đơn bà L đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn bà N chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà L đối với bà N; buộc bà N có trách nhiệm thanh toán cho bà L số tiền vay 14.800.000 đồng. Về yêu cầu tính lãi, do bà L không yêu cầu nên không đặt ra xem xét. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà L đối với bà N đối với số tiền 15.200.000 đồng, do bà L có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện.

Về án phí dân sự có giá ngạch bà N phải chịu toàn bộ án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ngày 26 tháng 4 năm 2025, bà Võ Thị L nộp đơn khởi kiện đến Tòa án tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn bà Nguyễn Thị N. Khi khởi kiện bà N cư trú tại ấp C, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (nay là ấp C, xã V, tỉnh Cà Mau). Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu (nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau) thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, nguyên đơn bà L có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn bà N đã được triệu tập lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà L và bà N theo quy định điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của bà L về việc yêu cầu bà N thanh toán số tiền vay 30.000.000 đồng.

[2.1]. Ngày 05 tháng 8 năm 2025 bà L có đơn rút 01 phần yêu cầu khởi kiện đối với bà N với số tiền 15.200.000 đồng. Lý do rút một phần yêu cầu khởi kiện, do bà N đã thanh toán cho bà L số tiền 15.200.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy việc bà L rút một phần yêu cầu khởi kiện với bà N là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc và không trái pháp luật, đạo đức xã hội nên cần ghi nhận và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà L đối với bà N về số tiền 15.200.000 đồng.

[2.2]. Xét yêu cầu của bà L đối với bà N thanh toán số tiền vay 14.800.000 đồng.

[2.2.1]. Căn cứ giấy mượn tiền ngày 06/7/2023 do bà L cung cấp. Bà N thừa nhận có ký tên vào giấy mượn tiền nêu trên. Bà N thừa nhận có vay tiền nhiều lần của bà L. Từ đó có cơ sở xác định giữa bà L và bà N có xảy ra giao dịch vay tiền trên thực tế. Bà N xác định còn nợ bà L số tiền 14.800.000 đồng và đồng ý trả nợ theo yêu cầu bà L. Hội đồng xét xử xét thấy việc bà N đồng ý trả nợ cho bà L nên cần ghi nhận, từ đó có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L đối với bà N. Do bà N không đến Tòa án nên phải đưa vụ án ra xét xử.

[2.2.2]. Quá trình thụ lý, bà N xác định trong số tiền 30.00.000 đồng mà bà N ký mượn theo giấy mượn tiền ngày 06/6/2023, có 6.000.000 đồng tiền lãi bà L đã gộp vào và ghi biên nhận nợ vay số tiền 30.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy việc bà N trình bày là không có cơ sở, chính bản thân bà N cũng xác định không có chứng cứ chứng minh việc bà N gộp tiền lãi 6.000.000 đồng để buộc bà ký biên nhận nợ 30.000.000 đồng. Hơn nữa quá trình giải quyết vụ án, bà N cũng không đặt ra yêu cầu khấu trừ số tiền lãi mà bà đã thanh toán cho bà L, từ đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Ngoài ra, bà N xác định do hiện tại kinh tế khó khăn, bà N yêu cầu được trả dần số nợ 14.800.000 đồng cho bà L. Hội đồng xét xử xét thấy đối với phương thức và thời hạn thanh toán sẽ thực hiện giai đoạn thi hành án nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.2.3]. Về yêu cầu tính lãi: Do bà L không yêu cầu tính lãi về khoản vay đối với bà N nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Ngoài ra, bà L xác định bà L chỉ giao dịch với bà N, không biết chồng bà N nên không đặt ra trách nhiệm thanh toán nợ đối với chồng bà N. Giới hạn của việc xét xử, từ đó Hội đồng xét xử không xem xét trách nhiệm trả nợ đối với chồng bà N, cũng như không đưa chồng bà N vào tham gia tố tụng trong vụ án.

[3]. Về án phí: Bà N phải chịu số tiền án phí tương ứng với phần yêu cầu của bà L được chấp nhận với số tiền án phí: $14.800.000 \text{ đồng} \times 5\% = 740.000 \text{ đồng}$. Bà L không phải chịu án phí, bà L đã nộp tạm ứng án phí số tiền 750.000 đồng theo Biên lai số 0011254 ngày 14/7/2025 được hoàn lại tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

[4]. Từ những phân tích trên chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228, Điều 217, Điều 219, Điều 244, Điều 266, Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị L đối với bà Nguyễn Thị N về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

2. Buộc bà Nguyễn Thị N có trách nhiệm thanh toán cho bà Võ Thị L số tiền 14.800.000 đồng (*mười bốn triệu tám trăm nghìn đồng*).

3. Chấp nhận yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị L đối với bà Nguyễn Thị N về số tiền vay 15.200.000 đồng (*mười lăm triệu hai trăm nghìn đồng*).

* Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị L đối với bà Nguyễn Thị N về số tiền vay 15.200.000 đồng (*mười lăm triệu hai trăm nghìn đồng*).

4. Về án phí: Bà N phải chịu số tiền án phí là 740.000 đồng (*bảy trăm bốn mươi nghìn đồng*). Bà Võ Thị L không phải chịu án phí, bà L đã nộp tạm ứng án phí số tiền 750.000 đồng (*bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) theo Biên lai số 0011254 ngày 14/7/2025 được hoàn lại tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 7 – Cà Mau
- Phòng THADS khu vực 7 – Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thụy Lan Chi